

Trà Vinh, ngày 06 tháng 8 năm 2020

Số: 02 /BC-BCĐ

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện các Chương trình MTQG và
Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa
6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2020**

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kiện toàn bộ máy, ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 được củng cố, kiện toàn, đến nay có 31 thành viên (tại Quyết định số 4047-QĐ/TU ngày 25/10/2018) và kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng NTM cấp tỉnh với 25 thành viên (kiêm nhiệm). Theo đó cấp huyện, xã đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện và cán bộ NTM cấp xã (bình quân có 35 thành viên/BCĐ).

- Song song đó, trong 6 tháng đầu năm tỉnh đã ban hành trên 10 văn bản chỉ đạo uốn nắn, nhắc nhở, huy động nguồn lực để thực hiện chương trình đạt hiệu quả. Ngoài ra các Sở, ban, ngành đã ban hành trên 20 văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể các tiêu chí giúp các địa phương trong tỉnh áp dụng thực hiện. Bên cạnh, từng Sở, ngành ban hành kế hoạch thực hiện tiêu chí NTM do Sở, ngành phụ trách.

(Đính kèm PL 01)

2. Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền

- Trong 6 tháng đầu năm, các cấp ủy, chính quyền và các ngành đã tập trung triển khai thực hiện nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa, nội dung các tiêu chí NTM, tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, NTM, ấp văn hóa, ấp NTM. Mặt trận Tổ quốc Tỉnh đã thực hiện tốt Kế hoạch phối hợp số 25/KHPH/UBND-BTTUBMTTQ về vận động và giám sát bảo đảm ATTP giai đoạn 2016 – 2020 gắn với thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, các Sở, ban, ngành tỉnh tập trung hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí NTM thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành phụ trách và lồng ghép thực hiện tuyên truyền, vận động, kết quả đã tuyên truyền tổng cộng trên 26.151 cuộc, với trên 875.581 lượt người tham dự; Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tiếp tục xây dựng nội dung các tài liệu để cấp phát cho các địa phương (dự kiến quý III/2020)

và phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 12 phóng sự về xây dựng NTM.

- Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức lồng ghép, tuyên truyền về các tiêu chí NTM, tổng cộng 1.925 cuộc, với 56.769 lượt người tham dự. Các nội dung tuyên truyền vận động người dân chủ yếu là về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng NTM; nội dung 19 tiêu chí xã NTM; 20 tiêu chí xã NTM nâng cao; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp NTM; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, NTM; vận động chỉnh trang cảnh quan môi trường; xây dựng hố xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...Nổi bật nhất là các xã trên địa bàn huyện Càng Long và Cầu Kè.

(Đính kèm PL 2)

3. Công tác tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp các huyện thị xã, thành phố đưa 12 cán bộ cấp huyện (mỗi huyện 01 cán bộ) tham gia lớp tập huấn Chương trình OCOP do Trung ương tổ chức; xây dựng Kế hoạch triển khai tập huấn năm 2020, dự kiến thực hiện 24 lớp tập huấn nâng cao năng lực cho 720 lượt cán bộ NTM cấp huyện, xã *(thực hiện trong quý III/2020)*.

- Theo nguồn kinh phí đã phân bổ, hiện các huyện *(Văn phòng Điều phối NTM huyện)* đang triển khai tập huấn, tuyên truyền cho Bí thư, Trưởng Ban nhân dân các ấp và người dân tiêu biểu trên địa bàn.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

- Trong 6 tháng đầu năm, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra tình hình xây dựng và công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn huyện Trà Cú, Châu Thành, Càng Long và Hội đồng Nhân dân tỉnh đã giám sát kết quả thực hiện tiêu chí NTM huyện Càng Long.

- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp các Sở, ngành tỉnh rà soát, đánh giá xã đạt chuẩn NTM tại huyện Trà Cú, Duyên Hải, Càng Long và xã đạt chuẩn NTM nâng cao tại xã Long Đức, TP Trà Vinh; thực hiện 01 đợt kiểm tra rà soát, đánh giá kết quả thực hiện 19 tiêu chí NTM trên địa bàn 13 xã đăng ký, phần đầu đạt chuẩn xã NTM và 21 xã đăng ký, phần đầu đạt chuẩn xã NTM nâng cao năm 2020; kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện các tiêu chí huyện NTM và tiến độ lập hồ sơ công nhận huyện NTM Càng Long; tổ chức làm việc với Ban Chỉ đạo thành phố Trà Vinh về hồ sơ, thủ tục để trình công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2020.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Kết quả thực hiện một số mục tiêu cơ bản

Trong 6 tháng đầu năm, các địa phương đã rà soát, đánh giá lại kết quả thực hiện 19 tiêu chí NTM. Đến nay, có 61/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, đạt 71,76% trong đó, có 57 xã được Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định công nhận xã đạt chuẩn NTM, còn lại 4 xã đang được tỉnh thẩm định đạt chuẩn NTM (Hàm Tân huyện Trà

Cú, Nhị Long, Bình Phú, Huyện Hội huyện Càng Long) xã đạt từ 14 tiêu chí trở lên có 8 xã, chiếm tỷ lệ 9,41%; xã đạt từ 10 tiêu chí trở lên có 16/85 xã, chiếm 18,82%; không còn xã đạt dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt bình quân/xã là 17,4 tiêu chí; Có 02/85 xã đạt NTM nâng cao (xã Tân Hưng, huyện Tiểu Cần và xã Long Đức, thành phố Trà Vinh).

*** Đối với 13 xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn NTM năm 2020:** Đến nay có 02/13 xã đạt 19 tiêu chí (Hàm Tân, Lương Hòa); 10/13 xã đạt từ 14-18 tiêu chí; còn lại xã Tân Hiệp, huyện Trà Cú đạt 13 tiêu chí:

Cụ thể: xã Hàm Tân đạt 19/19 tiêu chí; xã Long Hiệp đạt 15/19 (còn lại tiêu chí số 1, 5, 9, 17); xã Phước Hưng đạt 15/19 (còn lại tiêu chí số 1, 9, 17, 18); xã Tân Hiệp đạt 12/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 5, 9, 11, 16, 17, 19); xã Bình Phú đạt 15/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 5, 6, 7); xã Huyện Hội đạt 14/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 2, 6, 9, 17); xã Nhị Long đạt 16/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 6, 13); xã Hiệp Hòa đạt 14/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 9, 11, 16, 17); xã Mỹ Hòa đạt 14/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 2, 5, 9, 16); xã Ngũ Lạc đạt 13/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 9, 10, 11, 16, 19); xã Lương Hòa đạt 19/19 tiêu chí; xã Song Lộc đạt 15/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 5, 11, 16); xã Mỹ Chánh đạt 15/19 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 1, 5, 9, 16).

*** Đối với 21 xã đăng ký đạt chuẩn xã NTM nâng cao năm 2020:** Đến nay có 04/21 xã đạt 20 tiêu chí; 17/21 xã đạt từ 15-19 tiêu chí.

Cụ thể: Xã Ninh Thới, Thạnh Phú, Hưng Mỹ, An Phú Tân đạt 20/20 tiêu chí; xã Mỹ Long Nam đạt 18/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 5 và 17); xã Hiệp Mỹ Đông đạt 16/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 2, 6, 15, 17); xã Mỹ Long Bắc đạt 17/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 2, 5, 15); xã Long Vĩnh đạt 17/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 5, 10, 17); xã Dân Thành đạt 19/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 18); xã Trường Long Hòa đạt 17/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 15, 17, 18); xã Long Hữu đạt 17/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 5, 6, 15); xã Long Toàn đạt 15/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 2, 5, 6, 8, 19); xã Hiệp Thạnh đạt 15/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 2, 5, 6, 14, 17); xã Ngọc Biên đạt 18/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 10, 11); xã Tân Sơn đạt 16/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 2, 9, 10, 19); xã Đại An đạt 16/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 2, 6, 10, 14); xã Phú Cần đạt 19/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 14); xã Tân Hòa đạt 18/20 tiêu chí (còn lại tiêu chí số 5, 17); xã An Trường đạt 16/20 (còn lại tiêu chí số 2, 13, 18, 19); xã Nhị Long Phú đạt 18/20 (còn lại tiêu chí số 13, 15) xã Tân Bình đạt 16/20 (còn lại tiêu chí số 13, 15, 18, 19).

*** Đối với huyện NTM và thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (Càng Long và thành phố Trà Vinh):**

- Đối với huyện Càng Long: Đến nay, huyện có 10/13 xã được công nhận xã đạt chuẩn NTM, đạt tỷ lệ 76,92%, còn lại 03 xã (Huyện Hội, Bình Phú và Nhị Long) đang đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí còn lại và hoàn chỉnh hồ sơ, phấn đấu trình công nhận đạt chuẩn NTM trong tháng 8 năm 2020. Về tiêu chí huyện NTM, đến nay huyện đạt 6/9 tiêu chí huyện NTM (Tiêu chí 2 về Giao thông; Tiêu chí 3 về thủy lợi, tiêu chí 4 về điện, tiêu chí 6 về sản xuất, tiêu chí 7 về

môi trường, tiêu chí 9 về chỉ đạo xây dựng NTM). Còn lại 03 tiêu chí chưa đạt (Tiêu chí 1 về quy hoạch, tiêu chí 5 về y tế - văn hóa - giáo dục và tiêu chí 8 về An ninh trật tự xã hội). Hiện huyện đang đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các nội dung còn lại, phấn đấu hoàn thành hồ sơ trình Trung ương thẩm định trong tháng 9 năm 2020.

- Đối với thành phố Trà Vinh: Hiện nay, BCD thành phố đã hoàn chỉnh dự thảo các văn bản và tiến hành các bước theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ và dự kiến trình Trung ương thẩm định trong tháng 9 năm 2020 (cùng với huyện Càng Long).

2. Đối với ấp văn hóa; ấp NTM và gia đình văn hóa NTM

Đến nay, toàn tỉnh có 481/641 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, NTM, chiếm tỷ lệ 75,08% trong tổng số ấp (tăng 71 ấp so với cuối năm 2019); có 201.891/227.678 hộ đạt chuẩn hộ gia đình văn hóa, NTM, chiếm tỷ lệ 88,67% trên tổng số hộ phát động (tăng 5.457 hộ so với cuối năm 2019).

(Đính kèm PL 5)

3. Kết quả huy động nguồn lực

* Chương trình MTQG xây dựng NTM:

Tổng nguồn lực huy động là: **4.007.396,3 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương: 293.170 triệu đồng, chiếm 7,32%;
- Nguồn vốn địa phương (XSKT): 231.273 triệu đồng, chiếm 5,77%;
- Nguồn vốn lồng ghép: 1.257.265,3 triệu đồng, chiếm 31,37%;
- Nguồn vốn tín dụng: 2.150.078 triệu đồng, chiếm 53,65%;
- Nguồn vốn doanh nghiệp: 21.852 triệu đồng, chiếm 0,55%;
- Nguồn vốn dân đóng góp: 53.758 triệu đồng, chiếm 1,34%

(chủ yếu hiến đất, cây cối, hoa màu, ...).

Trong 6 tháng đầu năm, kết quả giải ngân nguồn vốn đạt 36,75% kế hoạch (số liệu Sở Tài chính cung cấp).

(Đính kèm PL 7)

* Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

Tổng nguồn vốn huy động: **3.652.246 triệu đồng**, Trong đó:

- Ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện các dự án Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 105.372 triệu đồng, chiếm 2,89%;

- Nguồn vốn thực hiện các chính sách giảm nghèo (bao gồm vốn tín dụng): 3.535.174 triệu đồng chiếm 96,79%;

- Vốn huy động khác: 11.700 triệu đồng chiếm 0,32%;

Trong 6 tháng đầu năm, kết quả giải ngân nguồn vốn phân bổ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững đạt 17,43% kế hoạch.

(Đính kèm PL 7)

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm

4.1. Quy hoạch xây dựng NTM:

Đến nay, 100% số xã đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng NTM. Qua rà soát, hầu hết các xã đều có nhu cầu điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và theo quy định của Trung ương. Đến nay, huyện Tiểu Cần, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải đã hoàn thành Tiêu chí 1 về quy hoạch NTM cấp xã và tiêu chí quy hoạch NTM cấp huyện.

4.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

Trong 6 tháng đầu năm 2020, với sự hỗ trợ từ nguồn vốn của Trung ương, địa phương và lồng ghép các chương trình, dự án, BCD cấp huyện, xã tích cực vận động nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu, ngày công lao động để thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện từng tiêu chí, cụ thể:

- Về tiêu chí Giao thông, tranh thủ nhiều nguồn vốn từ Bộ, ban ngành Trung ương và địa phương đã và đang triển khai đầu tư xây dựng 14 dự án (*tổng chiều dài đường 64,5 km và 21 cầu với chiều dài 1.208m*). Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 970,82/981,87 km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được cứng hóa, đúng theo quy định, chiếm tỷ lệ 98,87%; có 1.187,69/1.760,16km đường trục ấp và đường liên ấp được cứng hóa, chiếm tỷ lệ 67,4%; 1.072,62/1.634,33km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiếm tỷ lệ 65,6%; 668,13/1.103,41km đường trục chính nội đồng, chiếm tỷ lệ 60,5%; về Thủy lợi thực hiện được trên 409 công trình thủy lợi nội đồng, dài trên 309.451m, khối lượng đào đắp trên 809.788 m³; về Điện đến nay trên địa bàn 85 xã có 228.481/233.375 hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ các nguồn, đạt 97,9%; về trường học, các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc sử dụng nguồn vốn được giao và các nguồn lồng ghép khác để xây dựng cơ sở vật chất trường học, trong đó ưu tiên đầu tư các trường thuộc các xã xây dựng NTM trong năm 2020, đến nay toàn tỉnh có 127 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm tỷ lệ 31,05%, gồm: 11/93 trường mẫu giáo (11,82%), 04/19 trường mầm non (21,05%), 79/163 trường tiểu học (48,47%), 25/101 trường THCS (24,75%) và 08/34 trường THPT (23,52%).

- Về Cơ sở vật chất văn hóa đã hỗ trợ đầu tư lắp đặt 20 panô tuyên truyền cho 20 xã, đầu tư mua sắm thiết bị âm thanh, thiết bị vui chơi, giải trí cho trẻ em và người cao tuổi cho 48 xã với tổng số tiền trên 2 tỷ đồng; về Thông tin và Truyền thông nâng cấp, mở rộng mạng lưới, hạ tầng viễn thông để cung cấp các dịch vụ viễn thông và Internet đến 100% ấp, khám phục vụ nhu cầu của người dân, toàn tỉnh có trên 300 đại lý Internet công cộng, 67.942 thuê bao Internet, trên địa bàn tỉnh hiện còn 17 điểm Bưu điện - Văn hóa xã của Dự án “Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam”, về Nhà ở

dân cư đã hỗ trợ 600 căn nhà cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí là 15 tỷ đồng, hỗ trợ 400 căn nhà cho người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí là 50 tỷ đồng.

- Về Y tế, chuẩn bị đầu tư xây dựng dự án “Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ tuyến y tế cơ sở” cụ thể đầu tư xây mới 11 Trạm Y tế, nâng cấp cải tạo 18 Trạm Y tế và mua sắm trang thiết bị. Tổng vốn đầu tư: 115 tỷ đồng. Nguồn vốn: vay vốn Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân sách tỉnh đối ứng. Dự án “Đầu tư hệ thống xử lý nước thải y tế tại các trạm Y tế trên địa bàn tỉnh Trà Vinh” cụ thể đầu tư Hệ thống xử lý nước thải y tế theo công nghệ mới Biotech AAO (bao gồm hệ thống thu gom nước thải và module xử lý) cho 38 Trạm Y tế trên địa bàn các huyện: Càng Long, Cầu Ngang, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, Duyên Hải, Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tổng vốn đầu tư: 5 tỷ đồng. Nguồn vốn: 100% Ngân sách tỉnh (vốn xố số kiến thiết). Dự án Cải tạo, sửa chữa cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện.... trong đó đã cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế huyện Càng Long, nhằm đảm bảo đạt tiêu chí huyện NTM năm 2020; về Môi trường và an toàn thực phẩm đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng các trạm cấp nước, nâng tổng số đến nay tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,7%, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 67,5%. Sơ Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện các dự án, gồm: Dự án Xử lý ô nhiễm môi trường Bãi rác thành phố Trà Vinh; Dự toán: Mua sắm lò đốt rác thải sinh hoạt xã Hoà Ân, huyện Cầu Kè; xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang; 04 xã đảo huyện Duyên Hải; Dự toán mua sắm lò đốt rác thải sinh hoạt cụm xã Long Hòa – Hòa Minh, huyện Châu Thành; Kế hoạch Quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2020; Kế hoạch Quản lý, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn, kiểm định, vật tư hao, sửa chữa thay thế thiết bị của hai trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục; Kế hoạch Vận hành máy chủ và các thiết bị giám sát đặt tại Phòng điều khiển của Trung tâm (tiền điện, nhân công, thiết bị) của hai trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục; Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Trà Vinh 05 năm (2016-2020); Kế hoạch truyền thông môi trường thực hiện Dự án “Xử lý, cải thiện vệ sinh và môi trường nông thôn năm 2020”.

Đến nay, tiêu chí Giao thông có 81/85 xã đạt; Thủy lợi có 85/85 xã đạt; Điện có 85/85 xã đạt; Trường học có 67/85 xã đạt; Cơ sở vật chất văn hóa có 78/85 xã đạt; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn có 84/85 xã đạt; Thông tin và Truyền thông có 85/85 xã đạt; Nhà ở dân cư có 64/85 xã đạt; Y tế có 85/85 xã đạt; Môi trường và an toàn thực phẩm có 67/85 xã đạt.

4.3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

Trong 6 tháng đầu năm có 348,91 ha đất lúa chuyển đổi sang trồng màu, trồng cỏ nuôi bò; trồng mới 395 ha dứa và cây ăn trái (cây dứa 138,6 ha, cây ăn trái 256,4 ha); nâng cấp, cải tạo 56,25 ha vườn cây ăn trái tập trung chủ yếu ở huyện Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần, Châu Thành và Cầu Ngang; chuyển sang chuyên nuôi thủy sản 34,6 ha. Ngoài ra, trong 6 tháng đầu năm có 151,8 ha đất trồng mía

chuyển sang trồng lúa, hoa màu, cây ăn trái và nuôi thủy sản (*cụ thể chuyển sang trồng lúa 66,9 ha, trồng hoa màu 4,4 ha, trồng cỏ nuôi bò 6,3 ha, trồng dưa 3,4 ha, cây ăn trái 5,6 ha, chuyên nuôi thủy sản 65,2 ha*). Trong nuôi thủy sản, chuyển đổi từ các hình thức nuôi khác sang nuôi thâm canh và bán thâm canh khoảng 167 ha và chuyển 70 ha từ các hình thức nuôi khác sang nuôi thâm canh mật độ cao, nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có khoảng 5.467 ha nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh (*trong đó có 347 ha nuôi thâm canh mật độ cao, tăng 1,25 lần so cùng kỳ*), góp phần nâng năng suất, sản lượng. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay chuyển đổi 18.235,74 ha, gồm chuyển sang trồng cây hàng năm 11.218,8 ha, chuyển sang trồng cây lâu năm 3.675,13 ha, kết hợp nuôi thủy sản 3.341,86 ha để tăng giá trị trên đơn vị đất canh tác.

- *Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm*: Đến nay, toàn tỉnh có 30 sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt sản phẩm OCOP, trong đó có 27 sản phẩm đạt 03 sao, 3 sản phẩm đạt 4 sao (*tại Quyết định số 75/QĐ-UBND ngày 16/01/2020*). Các huyện, thị xã, thành phố đang tiếp tục hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, THT xây dựng hồ sơ, trình cấp huyện đánh giá và trình Hội đồng tỉnh công nhận các sản phẩm dự kiến đạt sản phẩm OCOP trong năm 2020.

- *Phát triển Làng nghề và ngành nghề nông thôn*: Trên địa bàn tỉnh, hiện có 13 làng nghề được UBND tỉnh công nhận, trong đó có: 02 làng nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 06 làng nghề tiểu thủ công nghiệp và 05 làng nghề chế biến thực phẩm. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với địa phương tiến hành khảo sát, làng có nghề (*bánh tráng áp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành*), tuy nhiên địa phương chưa đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Về ngành nghề nông thôn, đến nay, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2018-2020 (*tại Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 26/4/2018*). Sở Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện Kế hoạch hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn năm 2020.

- *Phát triển các loại hình Kinh tế hợp tác*: Đến nay trên địa bàn tỉnh có 125 HTX nông nghiệp – thủy sản, với 10.375 thành viên, vốn điều lệ 11,9 tỷ đồng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.963 THT nông nghiệp hoạt động đúng theo Nghị định số 77, với 36.252 thành viên tham gia, bình quân mỗi THT có 17 thành viên tham gia.

4.4. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

4.4.1. Kết quả hỗ trợ thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững:

- Trong 6 tháng đầu năm 2020, từ nguồn vốn do ngân sách Trung ương phân bổ thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 105.372 triệu đồng (*trong đó, vốn đầu tư phát triển: 73.919 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 31.453 triệu đồng*); các huyện đã triển khai đầu tư 85 công trình cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ cho sản xuất, dân sinh và duy tu, bảo dưỡng 34 công trình trên địa bàn huyện nghèo, áp, xã đặc biệt khó khăn; triển khai 89 dự án phát triển sản xuất, mô hình giảm nghèo hỗ trợ cho 1.579 hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, với

các mô hình như: Nuôi bò vỗ béo, nuôi bò sinh sản, nuôi vịt xiêm, nuôi heo thịt, nuôi gà, nuôi dê, nuôi cá kèo, trồng măng tây; hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và chi phí làm thủ tục để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài cho 202 lao động lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ DTTS; tổ chức 94 lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho 4.904 cán bộ cơ sở và cộng đồng; tổ chức 32 cuộc đối thoại chính sách giảm nghèo, 02 chuyến học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh; lắp đặt 10 cụm pa nô tuyên truyền công tác giảm nghèo; sản xuất, biên tập, phát sóng 08 kỳ chuyên mục giảm nghèo bền vững trên sóng Đài truyền hình Trà Vinh, biên tập, phát thanh 1.100 tin ngắn trên sóng đầu phát thanh các huyện, thị xã, thành phố; tổ chức 27 cuộc kiểm tra, giám sát và 01 cuộc Hội nghị tổng kết công tác giảm nghèo.

Tính đến hết tháng 6/2020, toàn tỉnh có 70 công trình đầu tư đang triển khai thi công¹, còn lại 49 công trình đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ chuẩn bị triển khai thi công; đã tổ chức 19 lớp tập huấn, bồi dưỡng; các hoạt động còn lại đang được Sở ngành, địa phương triển khai thực hiện. Ngân sách trung ương phân bổ đã giải ngân 18.366 triệu đồng, đạt 17,43% kế hoạch vốn phân bổ².

4.4.2. Kết quả thực hiện các chính sách giảm nghèo:

- **Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng ưu đãi:** Tính đến hết tháng 6/2020, từ các Chương trình cho vay, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh đã giải ngân cho 19.240 lượt hộ vay vốn, với tổng số tiền 425.532 triệu đồng, trong đó: 590 hộ nghèo vay, với số tiền 15.775 triệu đồng; 1.604 hộ cận nghèo vay, với số tiền 43.813 triệu đồng và 7.852 lượt hộ mới thoát nghèo vay, với số tiền 183.460 triệu đồng. Ngoài ra, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh còn thực hiện các chương trình cho vay khác để thúc đẩy giảm nghèo như: giải quyết cho 198 học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vay số tiền 11.059 triệu đồng; 4.314 hộ vay nước sạch, vệ sinh môi trường, với số tiền 50.062 triệu đồng; 1.911 hộ vay giải quyết việc làm, với số tiền 46.740 triệu đồng; 127 hộ vay xuất khẩu lao động, với số tiền 9.880 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ tiền điện:** Thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo theo Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính, trong 06 tháng đầu năm 2020, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 8.832 hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập với số tiền 2.914 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ BHYT:** Đã in, cấp phát thẻ BHYT hỗ trợ cho các nhóm đối tượng hộ nghèo về thu nhập; hộ nghèo thiếu hụt về BHYT; hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người dân đang sinh sống tại xã đảo; người dân đang sinh

¹ Trong đó, có 17 công trình đã thi công hoàn thành khối lượng, 13 công trình đạt tiến độ trên 50% khối lượng, 40 công trình đạt tiến độ từ 30-50% khối lượng, còn lại 49 công trình đang trong giai đoạn hoàn tất hồ sơ chuẩn bị triển khai thi công.

² Trong đó, vốn đầu tư đã giải ngân 16.260 triệu đồng, đạt 22% kế hoạch vốn phân bổ, vốn sự nghiệp đã giải ngân 2.106 triệu đồng, đạt 6,69% kế hoạch vốn phân bổ.

sống tại xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển với tổng số thẻ đã phát hành 435.924 thẻ BHXH, với tổng số tiền 379.658 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ nhà ở:** Tiếp tục thực hiện Đề án hỗ trợ nhà cho hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg từ nguồn vốn vay ưu đãi NHCSXH, trong 05 tháng đầu năm đã giải ngân cho 727 hộ vay vốn, với số tiền 14.575 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ đất ở:** Thực hiện chính sách hỗ trợ đất ở theo Nghị quyết số 69/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 của HĐND tỉnh: Hiện tại, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đang tìm quỹ đất hỗ trợ cho 131 hộ nghèo đã được UBND cấp huyện phê duyệt danh sách hỗ trợ đất ở theo Nghị quyết 69/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. Chính sách hỗ trợ đất ở theo Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Ủy ban nhân dân các huyện đang tìm quỹ đất và thực hiện thủ tục hỗ trợ đất ở cho 18 hộ nghèo còn lại thuộc danh sách nền trong Đề án (10 hộ đã tìm được quỹ đất, đang triển khai các thủ tục hỗ trợ theo quy trình; 08 hộ còn lại đang tìm quỹ đất).

- **Chính sách hỗ trợ một phần chi phí khám, chữa bệnh, tiền ăn, đi lại cho hộ nghèo:** Trong 06 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã hỗ trợ cho 23.376 lượt người, với tổng kinh phí 4.271 triệu đồng (trong đó: Hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh cho 96 lượt người, kinh phí 871 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn cho 11.776 lượt người, kinh phí 3.019 triệu đồng; hỗ trợ chi phí đi lại cho 11.504 lượt người, kinh phí 380 triệu đồng).

- **Chính sách đặc thù hỗ trợ cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số:** Năm 2020, tỉnh được Trung ương phân bổ 7.000 triệu đồng vốn tín dụng để thực hiện chính sách cho vay vốn phát triển sản xuất. Trong 06 tháng đầu năm đã giải ngân cho 03 hộ vay vốn, với số tiền 90 triệu đồng.

- **Chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo gặp khó khăn do đại dịch COVID-19:** Thực hiện Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ và Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, đến nay đã thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng, cụ thể: Tổng số người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được phê duyệt hỗ trợ: 99.626 người, kinh phí hỗ trợ 74.719.500.000 đồng (trong đó: 26.559 người thuộc hộ nghèo; 73.067 người thuộc hộ cận nghèo). Đến nay, toàn tỉnh đã thực hiện chi trả cho 99.081 người, kinh phí đã hỗ trợ: 74.310.750.000 đồng; đạt tỷ lệ 99,45% so với số hộ được phê duyệt. Còn lại 120 người chưa chi trả do đối tượng được hỗ trợ đi làm ăn xa cả hộ, Ủy ban nhân dân cấp xã đã liên hệ hộ về nhận nhưng hộ chưa sắp xếp được thời gian; còn lại 425 người do trùng với các đối tượng khác, đã được nhận mức hỗ trợ cao hơn nên các địa phương loại ra và không thực hiện chi trả hỗ trợ theo hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4.5. Kết quả Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa:

- Phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa” đã đi vào chiều sâu, có những kết quả thiết thực, nâng cao chất lượng lẫn số lượng đã được nhân dân đồng tình

hưởng ứng và tham gia thực hiện, góp phần tích cực vào xây dựng nhân cách con người cả về tư tưởng, đạo đức, tình cảm, lối sống, xây dựng gia đình no ấm, hòa thuận, tiến bộ, hạnh phúc. Đến nay, toàn tỉnh đã công nhận 244.576/273.099 hộ gia đình văn hóa.

- Phong trào xây dựng ấp, khóm văn hóa ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng, trở thành phong trào sôi nổi và rộng khắp trên địa bàn tỉnh. Việc bình xét công nhận được tiến hành đúng quy trình, thủ tục theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ Quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, Làng văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ văn hóa”; Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa; Ấp NTM”, “Gia đình văn hóa, NTM” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Đến nay, đã công nhận 559/756 ấp, khóm văn hóa.

- **Phong trào xây dựng xã văn hóa NTM; phường, thị trấn văn minh đô thị:** Thực hiện Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch “Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa NTM” và Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24/01/2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Đến nay, đã công nhận 60/85 xã Văn hóa NTM; 14/21 Phường, Thị trấn văn minh đô thị.

- **Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa:** Thực hiện Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24/9/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch “Quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa” và Hướng dẫn 3337/HD-BVHTTDL-TLĐ ngày 10/8/2015 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Liên đoàn Lao động cấp huyện tiếp tục triển khai 03 tiêu chuẩn, 12 tiêu chí xây dựng “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa” và 04 tiêu chuẩn, 17 tiêu chí xây dựng “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa đã củng cố và nâng cao tính kỷ cương, nề nếp nơi công sở, ý thức chấp hành kỷ luật công tác, cũng như xây dựng môi trường văn hóa nơi làm việc, đã tạo động lực để mỗi cơ quan, đơn vị phấn đấu nâng cao hiệu quả công tác. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.063/1.141 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa

4.6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn:

- Nhìn chung về nhân lực, hiện nay tại các Trạm y tế cơ bản đảm bảo phục vụ khám, chữa bệnh và phòng bệnh theo tỷ lệ quy định 01 cán bộ y tế/2.000 dân. Tuy nhiên cơ cấu cán bộ y tế tại các Trạm y tế xã chưa đồng bộ, một số Trạm y tế còn thiếu cán bộ chủ chốt (chưa có Bác sĩ công tác).

- Bảo hiểm xã hội tỉnh triển khai đổi chiếu số liệu cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS, người đang sinh sống tại ấp đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển và xã đảo. Hiện nay, trên địa bàn 85 xã NTM các nhóm đối tượng trên được cấp 100% thẻ BHYT. Toàn tỉnh có 82 trạm y tế và 3 phòng khám đa khoa khu vực tham gia khám bảo hiểm y tế cho người bệnh, các trạm y tế được cung cấp đủ danh mục thuốc theo Thông tư số 40/2014/TT-BYT ngày 17/11/20104 của Bộ Y tế, nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại tuyến y tế cơ sở.

- Sở Y tế phối hợp với các ban ngành đoàn thể, đặc biệt là Bảo hiểm xã hội tăng cường công tác tuyên truyền về quyền lợi khi tham gia BHYT và vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện, đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn tỉnh đạt **95,18%**; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 9,69%.

4.7. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 04/02/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Trà Vinh 2020, đồng thời Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 13/KH-SNV ngày 11/02/2020 của Sở Nội vụ về việc bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2020. Theo đó, trong 06 tháng đầu năm 2020 do dịch bệnh COVID – 19 diễn biến phức tạp nên chưa tổ chức các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã.

Sở Tư pháp chỉ đạo Phòng Văn bản, Phổ biến và Theo dõi thi hành pháp luật tham mưu, làm đầu mối, chủ trì phối hợp, hướng dẫn Phòng Tư pháp cấp huyện tham mưu, giúp UBND cùng cấp chỉ đạo UBND cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ công tác xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định tại Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 07/2017/TT-BTP ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Quy định về điểm số, hướng dẫn cách tính điểm các chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, Hội đồng đánh giá tiếp cận pháp luật và một số nội dung về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM. Phối hợp xây dựng đội ngũ tập huấn viên về công tác hòa giải ở cơ sở; rà soát, lựa chọn các xã, phường, thị trấn chọn điểm chỉ đạo thực hiện xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, công tác hòa giải ở cơ sở năm 2020; rà soát nhu cầu tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ PBGDPL, hòa giải ở cơ sở năm 2020 cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện, Tuyên truyền viên pháp luật và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, các hòa giải viên ở cơ sở để xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng năm 2020.

Đến nay, tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật đã có 83/85 xã đạt tiêu chí.

4.8. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:

- *Trên lĩnh vực An ninh chính trị:* Để nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng Công an xã, lực lượng nòng cốt làm công tác giữ gìn ANTT ở cơ sở, Công an tỉnh chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã, tập trung tuyên truyền giáp ở các xã đăng ký đạt chuẩn NTM và NTM nâng cao năm 2020, cụ thể đã phối hợp giáo dục, cảm hóa tại gia đình và cộng đồng dân cư được 2.173 lượt đối tượng; tổ chức hóa giải thành công 33 vụ tranh chấp, mâu thuẫn trọng nội bộ nhân dân. Ngoài ra lực lượng công an xã phối hợp với dân quân tự vệ, kiểm lâm tổ chức tuần tra, kiểm soát giữ gìn ANTT và bảo vệ rừng trên địa bàn xã được 3.980 cuộc với 16.395 lượt đồng chí tham gia, qua đó đã phát hiện triệt phá 156 điểm tệ nạn xã hội, giải tán 351 lượt nhóm thanh niên tụ tập đêm khuya, 78 vụ đánh bắt thủy sản trái phép,...

- *Trên lĩnh vực đảm bảo Trật tự an toàn xã hội:* Công an tỉnh phối hợp với các ban, ngành liên quan, nhất là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên thực hiện có hiệu quả các kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ, tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ 185 người chấp hành xong án phạt tù về địa phương tái hòa nhập cộng đồng; áp dụng tại xã, phường, thị trấn 33 đối tượng, đưa đi cơ sở bắt buộc 14 đối tượng. Làm tốt công tác hướng dẫn, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả các tiêu chí “*An toàn về ANTT*” theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an gắn với thực hiện tiêu chí 19.2, qua đó đã có 85 xã đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn “*An toàn về ANTT*” năm 2020. Ngoài ra đã nhân rộng được 04 loại mô hình với 16 câu lạc bộ, gồm: 01 câu lạc bộ “*địa bàn không ma túy*”, 03 câu lạc bộ “*Nông dân 3 tốt*”, 08 câu lạc bộ “*Phát hiện, tố giác và vây bắt tội phạm*”; 04 câu lạc bộ “*Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng cơ sở tôn giáo*”. Qua đó, đã nâng chất lượng hoạt động các câu lạc bộ trên địa bàn xã, góp phần bảo đảm ANTT ở cơ sở, phục vụ công tác xây dựng NTM và NTM nâng cao.

- Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTTQ:

Củng cố cán bộ Ban CHQS xã, phường, thị trấn vững mạnh, đến nay đã sắp xếp đủ biên chế cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng xã, phường, thị trấn, 100% chi bộ Quân sự xã có cấp ủy và 100% chi đoàn Quân sự hoạt động có nề nếp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Đến nay đã xây dựng 106/106 xã, phường, thị trấn vững về quốc phòng - an ninh. Bộ CHQS tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tham gia với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành đoàn thể địa phương tiếp tục ký kết thực hiện với các xã trên địa bàn chưa đạt tiêu chí NTM. Tính đến nay các cơ quan, đơn vị trong LLVT tỉnh đã tham gia xây dựng NTM ở 27 xã, đã có 26 xã đạt 19/19 tiêu chí, còn lại 01 xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải.

B. MẶT ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh; sự phối hợp giữa các Sở, ban, ngành với các địa phương đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Các Sở, ban, ngành tỉnh phối hợp tốt với Văn phòng Điều phối NTM tỉnh kịp thời tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí; thường xuyên kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện tiêu chí huyện, xã NTM, NTM nâng cao để đưa vào kế hoạch thực hiện trong năm.

- Trong 6 tháng đầu năm, các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã tiếp tục được đầu tư, tạo nhiều thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, cung cấp các loại vật tư thiết yếu phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất của người dân, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin thị trường, tiếp cận các dịch vụ công để nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Các chính sách giảm nghèo triển khai thực hiện kịp thời, hỗ trợ đúng đối tượng thụ hưởng; thông qua các cuộc đối thoại đã giúp cho người dân hiểu rõ hơn, không còn thắc mắc hay khiếu nại, giúp cho địa phương ổn định được tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trong cộng đồng dân cư; đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, người có công với cách mạng (Quyết định số 22/QĐ-TTg, Quyết định số 33/QĐ-TTg).

- Nguồn vốn tín dụng ưu đãi phục vụ cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách ngày càng tăng, chất lượng tín dụng ngày càng tốt hơn, chính sách tín dụng ưu đãi đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, đặc biệt là các nông dân có thu nhập thấp không đủ điều kiện vay vốn ở các Ngân hàng thương mại.

- Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trên địa bàn tỉnh đã đem lại sự chuyển biến nhận thức sâu sắc về văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nông thôn, góp phần quan trọng nâng cao nhận thức của toàn xã hội về vai trò của văn hóa đối với sự phát triển.

- Thông qua các hoạt động tuyên truyền, giáo dục văn hóa đã góp phần quan trọng tạo dựng môi trường sống lành mạnh cho cộng đồng dân cư, cho mỗi gia đình và cá nhân.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được, quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc như sau:

- Qua kết quả rà soát tiêu chí của các xã cho thấy, trong 6 tháng đầu năm nhiều xã chưa có tiêu chí đạt (*huyện Châu Thành có 03 xã; Cầu Ngang có 05 xã; Trà Cú có 05 xã; Duyên Hải có 02 xã*). Trong nhiều nội dung thuộc phần việc của địa phương như: vận động áp dụng các mô hình phát triển sản xuất, tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác, canh đồng lớn, mua BHYT, xây dựng nhà ở,..Đặc biệt về cảnh quan môi trường nhiều địa phương còn hạn chế, theo tinh thần chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Chỉ thị số 15-CT/TU, các tuyến đường chính còn nhiều cỏ, rác ven đường; nhiều hộ chăn nuôi còn gây ô nhiễm môi trường xung quanh; nhà ở nhiều hộ chưa gọn gàng, sạch đẹp,..

- Kết quả giải ngân nguồn vốn trong 6 tháng đầu năm còn thấp (khoảng 36,75% kế hoạch), kéo theo nhiều xã chưa có tiêu chí đạt.

- Chưa triển khai xây dựng được nhiều mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là trên các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực.

- Các xã thực hiện Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao, còn nhiều tiêu chí khả năng khó đạt trong năm 2020.

- Kinh tế hợp tác tuy có phát triển, nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất. Liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa nhiều; nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chậm phát triển. Việc duy trì các làng nghề truyền thống còn gặp nhiều khó khăn, sản phẩm của nhiều làng nghề chất lượng chưa cao, mẫu mã chưa đẹp nên khó tiêu thụ.

- Việc huy động nguồn lực cho xây dựng NTM còn gặp nhiều khó khăn. Vốn ngân sách nhà nước (kể cả vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác) còn quá thấp so với yêu cầu; vốn huy động trong dân rất hạn chế do thu nhập của người nông dân còn thấp; vốn huy động từ các doanh nghiệp không nhiều.

- Đối tượng được hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2020 còn ít, trong khi số hộ nghèo cần hỗ trợ để thoát nghèo còn tương đối nhiều.

- Triển khai thực hiện chính sách mua BHYT cho đối tượng người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng KT-XH khó khăn và người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh còn chưa đồng bộ. Ngoài ra, việc thực hiện chính sách BHYT, hỗ trợ cho các hộ nông dân, diêm dân, ngư dân có thu nhập trung bình chưa được triển khai.

- Về tiêu chí Nhà ở dân cư của một số xã mặc dù được hỗ trợ xóa nhà tạm theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hộ nằm trong đối tượng được hỗ trợ nhưng không vay vốn để xây dựng nhà (ý lại, trông chờ Nhà nước) làm cho số nhà ở chưa đạt theo quy định còn nhiều.

- Việc tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin của các địa phương chưa kịp thời, đặc biệt không đảm bảo nội dung quy định, gây khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo cấp trên.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Công tác tuyên truyền, vận động người dân tham gia xây dựng NTM mặc dù được triển khai nhiều nhưng hình thức tuyên truyền chưa phong phú nên hiệu quả chưa cao. Công tác phát động thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, NTM; áp văn hóa, NTM chưa sâu rộng, chưa thường xuyên nên việc tham gia thực hiện còn hạn chế.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch còn chậm, chưa đáp ứng cho yêu cầu xây dựng NTM, mặt khác công tác quản lý quy hoạch chưa chặt chẽ nên xảy ra tình trạng nhiều địa phương chuyển đổi thiếu kiểm soát tạo ra nhiều rủi

ro. Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học được xem là giải pháp đột phá, nhưng hiệu quả chưa cao, bộc lộ nhiều hạn chế do đó khó khăn trong gắn kết với thị trường.

- Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và các loại hình kinh tế nông thôn còn chậm; thiếu doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư nhiều vào nông nghiệp và nông thôn, tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chủ yếu là chi tham gia liên kết để bán vật tư đầu vào.

- Nguồn lực xây dựng NTM của Trung ương và tỉnh còn hạn chế nên việc nâng chất tiêu chí NTM theo Bộ tiêu chí nâng cao chưa đảm bảo theo quy định, nhất là các tiêu chí như: Giao thông, Trường học, cơ sở vật chất văn hóa.

- Các thông tin về chính sách giảm nghèo đa số là tuyên truyền lồng ghép trong các cuộc sinh hoạt của đoàn thể ấp, khóm; chưa có tổ chức tuyên truyền chuyên đề riêng về công tác giảm nghèo. Việc theo dõi, quản lý hộ nghèo ở địa phương chưa sát, chưa xác định rõ nguyên nhân nghèo để hướng dẫn, giúp đỡ hộ nghèo vươn lên thoát nghèo. Bên cạnh đó, đa phần cán bộ kiêm nhiệm nên thời gian dành cho công tác giảm nghèo còn ít và chưa đi vào chiều sâu.

- Tư tưởng chủ quan, trông chờ, ỷ lại, thiếu chủ động đề ra kế hoạch của một số địa phương cũng là nguyên nhân làm cho phong trào thiếu tính lôi cuốn, đưa đến tình trạng một số ấp, khóm, xã văn hóa, NTM chưa đạt chất lượng cao.

C. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

- Phần đầu có thêm 13 xã đạt chuẩn NTM và 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (huyện Càng Long và thành phố Trà Vinh).

- Phần đầu có 21 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các xã còn lại, mỗi xã tăng thêm ít nhất 02 tiêu chí so với cuối năm 2019, không có xã sụt giảm tiêu chí.

- Phần đầu có 85% hộ gia đình đạt chuẩn Văn hóa NTM; 65% ấp văn hóa và ấp NTM và phải đánh giá theo qui định mới tại Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (các xã đã đạt chuẩn NTM phải có ít nhất 01 ấp NTM kiểu mẫu).

- Tổ chức tổng kết kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ trọng tâm

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về quan điểm, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 02 Chương trình và Phong trào Toàn dân

ĐKXDĐSVH, xác định rõ, đây là chủ trương lớn xuất phát từ yêu cầu vì lợi ích của người dân.

- Tập trung chỉ đạo hỗ trợ cho huyện Càng Long xây dựng đạt chuẩn NTM, hỗ trợ TPTV hoàn thành hồ sơ trình công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, 13 xã đăng ký, phấn đấu đạt chuẩn NTM trong năm 2020 và 21 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao. Nâng cao chất lượng xã đã đạt chuẩn NTM giai đoạn 2011 - 2019, đảm bảo đúng theo quy định; tránh tình trạng đánh giá các tiêu chí không sát với tình hình thực tế.

- Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ các nhu cầu thiết yếu trên địa bàn các xã gắn với phát triển sản xuất, đời sống của người dân như: Giao thông, thủy lợi, điện, trường học, y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường,...

- Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ BHYT cho hộ gia đình (*nông dân, diêm dân, ngư dân, lâm nghiệp*) có thu nhập trung bình.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Chương trình 30a, Chương trình 135; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135; thực hiện các Chính sách giảm nghèo; thực hiện Dự án giảm nghèo; vận động xã hội hóa hỗ trợ công tác giảm nghèo; thực hiện công tác rà soát hộ nghèo.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xem đây là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và của toàn dân.

- Chỉ đạo triển khai hiệu quả Chương trình phát triển môi xã, phường, thị trấn một sản phẩm; nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã trên địa bàn tỉnh, nhất là các hợp tác xã diêm.

- Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân; xây dựng đời sống văn hóa nông thôn; bảo vệ và cải thiện cảnh quang môi trường nông thôn, nâng cao chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương; Giữ vững an ninh, trật tự xã hội nông thôn.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn của 02 Chương trình đảm bảo đến cuối năm giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn.

2. Giải pháp triển khai thực hiện

2.1. Quán triệt các chủ trương, chính sách: Tiếp tục quán triệt đến các cấp, các cơ quan, đơn vị, người dân về việc thực hiện 02 Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân ĐKXDĐSVH của Đảng, Nhà nước, trong đó lồng ghép ưu tiên tuyên truyền về lĩnh vực xây dựng NTM gắn với phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sạch, an toàn nhằm tạo sự chuyển biến, quyết tâm cao để đưa nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao; các chính sách giảm nghèo, BHYT,.. sâu rộng đến quần chúng Nhân dân.

2.2. Tham mưu huy động, phân bổ nguồn lực:

- Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, các Sở, ngành chủ động lồng ghép hỗ trợ các tiêu chí do ngành phụ trách. Đồng thời, từ nguồn vốn được phân bổ cấp huyện, xã đẩy nhanh việc triển khai hoàn thành các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ nhu cầu của địa phương.

- Các địa phương chủ động thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn huy động để lồng ghép triển khai thực hiện Chương trình bao gồm: Huy động vốn từ ngân sách tỉnh, huyện, xã; vốn đầu tư của doanh nghiệp; các tổ chức phi chính phủ; huy động đóng góp của dân theo nguyên tắc tự nguyện.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát các địa phương về các thủ tục đầu tư, lập dự án để triển khai các nguồn vốn đã được phân bổ đúng theo quy định của Luật đầu tư công.

2.3. Tham mưu triển khai các chính sách giảm nghèo: Chỉ đạo các Sở, ngành phối hợp hỗ trợ cấp huyện, xã triển khai các chính sách, xây dựng kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn phù hợp kế hoạch giảm nghèo chung của tỉnh; Phối hợp từng địa phương lựa chọn cây trồng, vật nuôi phù hợp, có giá trị kinh tế cao, chọn hộ đủ điều kiện thành lập Tổ, nhóm giảm nghèo xây dựng dự án hỗ trợ, giúp cho hộ khi tham gia sẽ giảm nghèo bền vững.

2.4. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp:

- *Thực hiện quyết liệt hơn nữa các giải pháp cụ thể trong chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - ngư nghiệp:* Theo mục tiêu mà Đề án, các Kế hoạch của Trung ương và tỉnh đã đề ra. Trong đó, trọng tâm là chuyển đổi đất canh tác lúa khó khăn, kém hiệu quả trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt, sang trồng cây khác và nuôi thủy sản hiệu quả hơn theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu. Cùng với thực hiện chủ trương về triển khai Đề án “Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực”, cần tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng hàng hóa, áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), hỗ trợ xây dựng thương hiệu – tham gia quảng bá thương hiệu hàng hóa,...

- *Phải xem công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật là giải pháp tạo đột phá trong tái cơ cấu nông nghiệp:* Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học – kỹ thuật vào sản xuất hướng đến mục tiêu giảm chi phí giá thành sản xuất, nâng cao năng suất - chất lượng, tăng tính cạnh tranh cho nông sản hàng hóa. Chú trọng ứng dụng phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường; xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch, công nghệ chế biến để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông - thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- *Tập trung các ngành, các cấp thực hiện có hiệu quả hơn nữa công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại:* Tập trung chỉ đạo thực hiện, tạo chuyển biến kinh tế nông nghiệp - nông thôn, cũng như thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế của tỉnh; triển khai thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các chính sách của Trung ương và của tỉnh về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông

thôn. Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, ổn định, thông thoáng và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế để huy động cao các nguồn lực xã hội đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là những ngành, những lĩnh vực có tác động tạo đột phá trong nông nghiệp như: thủy hải sản, chăn nuôi, cây ăn trái, nông nghiệp công nghệ cao,...

- *Tổ chức lại sản xuất*: Trong tái cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn, tổ hợp tác, hợp tác xã giữ vai trò quan trọng trong liên kết các hộ nông dân sản xuất nhỏ lẻ lại với nhau; là cầu nối giữa nhà nước với nông dân, giữa nông dân với doanh nghiệp; giải quyết hiệu quả vấn đề “đầu vào, đầu ra” trong sản xuất nông nghiệp; xây dựng và nâng cấp các chuỗi giá trị nông sản tại các vùng sản xuất tập trung. Cùng với việc chuyển đổi hoạt động của Tổ hợp tác, Hợp tác xã theo Nghị định số 151 của Chính phủ, Luật Hợp tác xã năm 2012, hướng dẫn - hỗ trợ các địa phương hình thành các Tổ hợp tác, Hợp tác xã kiểu mới theo chủ trương của Trung ương, chỉ đạo của tỉnh.

2.5. Tập trung chỉ đạo cải thiện chất lượng môi trường nông thôn và an toàn vệ sinh thực phẩm:

- Khuyến khích xây dựng và nhân rộng các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ và nâng cao nhận thức của người dân trong xử lý rác thải, nước thải từ hộ gia đình; chất thải trong chăn nuôi; mô hình xã, ấp sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Hoàn thành 100% việc cam kết thực hiện sản xuất, kinh doanh ATTP của địa phương; tăng cường công tác kiểm tra và xử lý vi phạm trong ATTP trên địa bàn theo phân cấp quản lý.

- Tiếp tục thực hiện các dự án cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phấn đấu đến cuối năm có từ 100% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị số 15-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.6. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, giữ vững an ninh trật tự ở nông thôn:

- Tiếp tục vận động học sinh trong độ tuổi được đến lớp, hạn chế lưu ban, bỏ học nhằm duy trì tốt kết quả phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Triển khai công tác đào tạo nghề để giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, góp phần giảm dần tỷ trọng lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp.

- Tiếp tục củng cố tổ chức mạng lưới y tế cơ sở, hoàn thiện và nâng cao các dịch vụ y tế phục vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân. Làm tốt công tác y tế dự phòng, đẩy mạnh thực hiện y tế học đường.

- Tuyên truyền và xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn, tăng cường và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp, phân công các ngành, đoàn thể thực hiện nhiệm vụ

phát triển văn hóa nông thôn. Đổi mới các hình thức vận động, tập hợp nhân dân tham gia phát triển văn hóa nông thôn.

- Giữ gìn an ninh trật tự ở nông thôn; chú trọng xây dựng và nhân rộng mô hình tự quản về an ninh trật tự ở khu dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng nông thôn.

2.7. Tăng cường kiểm tra, giám sát: Thường xuyên phối hợp với các Sở, ngành định kỳ trực tiếp kiểm tra, tháo gỡ khó khăn tại các huyện, xã; định kỳ thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các tiêu chí NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu trên địa bàn các xã đăng ký đạt chuẩn năm 2020, đánh giá các chính sách hỗ trợ giảm nghèo trên địa bàn toàn tỉnh.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa 06 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2020. / *Khết*

Nơi nhận:

- BCD TW;
- Văn Phòng Điều phối NTM TW;
- Trưởng BCD tỉnh;
- Thành viên BCD tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- BCD các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VPDP. *lv*

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Phạm Minh Truyền

CÁC CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH DO ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020)

| STT | Loại văn bản | Số, ngày, tháng ban hành | Trích yếu | Mục tiêu | Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách |
|-----|--------------|------------------------------|--|---|---|
| 1 | | 406/QĐ-UBND, ngày 09/3/2020 | Về việc thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. | Thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. | Ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. |
| 2 | Quyết định | 2006/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 | Về việc phê duyệt bổ sung "Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm" thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh | Phê duyệt "Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm" thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. | Phê duyệt "Danh mục dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm" thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2018-2020 kèm theo Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| 3 | | 25/QĐ-BCĐ, ngày 24/3/2020 | Ban hành Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào TĐBKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh | Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào TĐBKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh | Chương trình công tác năm 2020 của Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào TĐBKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020 về thực hiện Chương trình XD NTM trên địa bàn tỉnh |



| | | | | | |
|---|----------|----------------------------|---|--|---|
| 4 | Chỉ thị | 58-CT/TU, ngày 01/4/2020 | <p>Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh</p> | <p>Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh</p> | <p>Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh</p> |
| 5 | Kế hoạch | 25/KH-UBND, ngày 28/5/2020 | <p>Kế hoạch tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận Bằng công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019.</p> | <p>Tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận Bằng công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019</p> | <p>Tổ chức Lễ Công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và đón nhận Bằng công nhận huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019</p> |

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 02 /BC-BCD ngày 06 tháng 7 năm 2020)

| SIT | Các Sở, ngành | Số cuộc | Lượt người tham dự | Nội dung |
|-----|-----------------------------|---------|--------------------|--|
| 1 | Ban Dân vận Tỉnh ủy | 9.156 | 257.345 | 19 tiêu chí NTM, tiêu chuẩn áp nông thôn mới, tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới gắn với thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình "05 không 03 sạch", phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh"; "Tuổi trẻ Trà Vinh chung tay xây dựng nông thôn mới"; "Sản xuất kinh doanh giỏi"; các cơ chế, chính sách liên quan đến Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới |
| 2 | Hội Cựu Chiến binh tỉnh | 469 | 10.960 | Tuyên truyền bảo vệ môi trường lồng ghép với các đợt ra quân làm vệ sinh môi trường, Chi thị 15, Chi thị 48 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, tuyên truyền xóa cầu vệ sinh trên ao, hồ, xây dựng hồ xi hợp vệ sinh, sắp xếp chuồng trại chăn nuôi, tạo cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp. |
| 3 | Tỉnh đoàn | 3.835 | 188.235 | Tuyên truyền về các hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới; những bài viết về cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, phản ánh những mô hình điển hình trong phong trào xây dựng NTM |
| 4 | Ủy ban MTTQVN tỉnh Trà Vinh | 1.107 | 24.211 | Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân ĐKXDĐSVH. |
| 5 | Công an tỉnh | 1.161 | 62.762 | Tuyên truyền nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma túy, chấp hành luật giao thông, PCCC... |
| 6 | Bộ Chỉ huy Quân sự | 325 | 7.988 | Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân ĐKXDĐSVH. |

| | | | | |
|------------------|---------------------------|---------------|----------------|---|
| 7 | Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh | 7.853 | 256.781 | <p>Chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới như: triển khai phát động thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; phong trào thi đua “Dân vận khéo”, cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; phẩm chất, đạo đức phụ nữ Việt Nam “Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang” gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” chuyên đề năm 2020 “Tăng cường khởi đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và chủ đề năm 2020 của TW Hội “An toàn cho phụ nữ và trẻ em”;...</p> |
| 8 | Hội Nông dân | 718 | 17.728 | <p>Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân ĐKXDDSVH.</p> |
| 9 | Ban Chi đạo các huyện, xã | 1.925 | 56.769 | <p>Nội dung 19 tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; vận động chính trang cảnh quang môi trường; xây dựng hồ xi hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...</p> |
| Tổng cộng | | 26.549 | 882.779 | |

KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÃ, ẤP, HỘ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2020
(Đính kèm Báo cáo số 02/BC-VPĐP ngày 06 tháng 8 năm 2020)

| TT | Tên xã | Tổng số xã của huyện | Xã đạt chuẩn NTM | | | Bình quân tiêu chí/xã | Xã dưới 12 tiêu chí | Ấp, hộ gia đình văn hóa nông thôn mới | | | Ghi chú |
|----|------------------|----------------------|------------------|---|-----------|-----------------------|---------------------|---------------------------------------|-----------|---------------------|---------|
| | | | Số xã | Tên xã | Tỷ lệ (%) | | | ấp VH, NTM | Tỷ lệ (%) | hộ gia đình VH, NTM | |
| 1 | Huyện Càng Long | 13 | 10 | Nhị Long Phú, An Trường, Tân Bình, Mỹ Cẩm, Đại Phước, Đức Mỹ, Đại Phước, Phương Thạnh, Tân An, An Trường A. | 76,92 | 17,92 | 0 | 93 | 83,8 | 25.911 | 81,55 |
| 2 | Huyện Cầu Ngang | 13 | 6 | Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Bắc, Hiệp Mỹ Tây, Vĩnh Kim, Kim Hòa | 46,15 | 15,46 | 3 | 53 | 58,9 | 28.005 | 85,87 |
| 3 | Huyện Cầu Kè | 10 | 10 | An Phú Tân, Ninh Thời, Thạnh Phú, Thông Hòa, Tam Ngãi, Châu Diên, Phong Phú, Hòa Ân, Hòa Tân, Phong Thạnh. | 100 | 19 | 0 | 53 | 86,9 | 27.699 | 92,03 |
| 4 | Huyện Châu Thành | 13 | 7 | Hưng Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A, Hòa Thuận, Nguyệt Hòa, Long Hòa, Thanh Mỹ | 53,85 | 16,92 | 0 | 67 | 65,0 | 33.148 | 89,41 |
| 5 | Huyện Duyên Hải | 6 | 3 | Đông Hải, Long Vĩnh, Long Khánh | 50 | 16,17 | 0 | 28 | 51,9 | 16.844 | 88,16 |
| 6 | TX. Duyên Hải | 5 | 5 | Dân Thành, Long Hữu, Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh, Long Toàn | 100 | 19 | 0 | 26 | 100 | 8.665 | 92,53 |

| | | | | | | | | | | | |
|------------------|----------------|-----------|-----------|---|-----|-------|----------|------------|--------------|----------------|--------------|
| 7 | Huyện Trà Cú | 15 | 6 | Tân Sơn, Ngọc Biên, Tập Sơn, Đại An, Định An, Lưu Nghiệp Anh | 40 | 16,33 | 2 | 80 | 69,6 | 32.938 | 87,52 |
| 8 | Huyện Tiểu Cần | 9 | 9 | Phù Cầu, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Tân Hùng, Hiếu Từ, Long Thới, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, Tân Hòa | 100 | 19 | 0 | 69 | 100 | 24.210 | 95,57 |
| 9 | TP. Trà Vinh | 1 | 1 | Long Đực | 100 | 19 | 0 | 12 | 100 | 4.471 | 95,49 |
| Tổng cộng | | 85 | 57 | - | | | 5 | 481 | 75,04 | 201.891 | 88,67 |

TỔNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THEO NHÓM
(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020)

(85 xã)

| TT | Nhóm | Kết quả đạt tiêu chí NTM | Tính đến tháng 6/2020 | | Ghi chú |
|----|-----------------------|--------------------------|-----------------------|-----------|---------|
| | | | Số lượng (xã) | Tỷ lệ (%) | |
| 1 | Nhóm 1 | Số xã đạt 19 tiêu chí | 61 | 71,76 | |
| 2 | Nhóm 2 | Số xã đạt 18 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 3 | | Số xã đạt 17 tiêu chí | 1 | 1,18 | |
| 4 | | Số xã đạt 16 tiêu chí | 4 | 4,71 | |
| 5 | | Số xã đạt 15 tiêu chí | 3 | 3,53 | |
| 6 | | Nhóm 3 | Số xã đạt 14 tiêu chí | 0 | 0,00 |
| 7 | Số xã đạt 13 tiêu chí | | 7 | 8,24 | |
| 8 | Số xã đạt 12 tiêu chí | | 4 | 4,71 | |
| 9 | Số xã đạt 11 tiêu chí | | 5 | 5,88 | |
| 10 | Số xã đạt 10 tiêu chí | | 0 | 0,00 | |
| 11 | Nhóm 4 | Số xã đạt 09 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 12 | | Số xã đạt 08 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 13 | | Số xã đạt 07 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 14 | | Số xã đạt 06 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 15 | | Số xã đạt 05 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 16 | Nhóm 5 | Số xã đạt 04 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 17 | | Số xã đạt 03 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 18 | | Số xã đạt 02 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 19 | | Số xã đạt 01 tiêu chí | 0 | 0,00 | |
| 20 | | Số xã đạt 0 tiêu chí | 0 | 0,00 | |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC
THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG VÀ PHÒNG TRÀO TĐKXDDSVH NĂM 2020**

(Kèm theo Báo cáo số 02/BC-BCD ngày 06 tháng 08 năm 2020)

ĐVT: triệu đồng

| STT | Nội dung chỉ tiêu | TỔNG CỘNG | Chương trình XD NTM | Chương trình Giảm nghèo bền vững | Phòng trào Toàn dân ĐKXDDSVH |
|------------|---|--------------------|------------------------|-------------------------------------|---------------------------------|
| | TỔNG SỐ | 7.659.642,3 | 4.007.396,3 | 3.652.246 | |
| I | NGÂN SÁCH TW | 398.542 | 293.170 | 105.372 | |
| 1 | Đầu tư phát triển | 291.689 | 217.770 | 73.919 | |
| 2 | Sự nghiệp kinh tế | 106.853 | 75.400 | 31.453 | |
| II | NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG | 3.766.447 | 231.273 | 3.535.174 | |
| III | VỐN LÔNG GHÉP | 1.257.265 | 1.257.265,3 | | |
| IV | VỐN TÍN DỤNG | 2.150.078 | 2.150.078 | | |
| V | VỐN DOANH NGHIỆP | 21.852 | 21.852 | | |
| VI | CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ VỐN KHÁC | 65.458 | 53.758 | 11.700 | |
| VII | TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ | - | - | | |